

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 110/2015/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung hỗ trợ đặc thù trong phạm vi nguồn kinh phí
khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ đặc thù trong hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung hỗ trợ đặc thù trong phạm vi nguồn kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Tổ hợp tác hoạt động theo qui định của pháp luật;
- Hộ kinh doanh cá thể.

2. Ngành nghề áp dụng

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và chế biến thực phẩm;
- Sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;
- Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;
- Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp;
- Áp dụng sản xuất sạch hơn; xử lý ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp, Cụm công nghiệp;
- Các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo Quyết định số 4132/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

3. Nội dung hỗ trợ đặc thù

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng và ngành nghề quy định tại Khoản 1 Điều này khi thực hiện dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị công nghệ, nếu chưa nhận được sự hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách Nhà nước cho cùng một nội dung chi thì được xem xét hỗ trợ một trong hai hình thức như sau:

a) Hỗ trợ đầu tư

- Hỗ trợ đầu tư: là hỗ trợ vốn có thời hạn (lãi suất hỗ trợ 0%, thu hồi vốn 100%) cho các doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị công nghệ.
- Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 30% tổng vốn đầu tư của dự án nhưng không quá 02 tỷ đồng, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm tính từ thời điểm có quyết định hỗ trợ. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Hỗ trợ sau đầu tư

- Hỗ trợ sau đầu tư: là hình thức hỗ trợ một phần lãi suất cho doanh nghiệp vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị công nghệ sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

- Mức hỗ trợ: mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư đối với dự án vay vốn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm hỗ trợ.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khoá VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh uỷ và các đ/c UVBTƯ Tỉnh uỷ;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 480.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh